

Đánh giá chất lượng xây dựng chương trình đào tạo nghề một số trường khối nông nghiệp¹

Vương Thanh Hương*

*Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam,
101 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 22 tháng 4 năm 2014

Chỉnh sửa ngày 7 tháng 6 năm 2014; chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2014

Tóm tắt: Bài báo phản ánh kết quả nghiên cứu đánh giá chất lượng xây dựng chương trình đào tạo tại 10 trường cao đẳng (CĐ), trung học chuyên nghiệp (THCN) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do nhóm nghiên cứu của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam thực hiện. Chất lượng xây dựng chương trình đào tạo được đánh giá trên các nhóm tiêu chí như: Quá trình xây dựng chương trình; tính khoa học và sự phạm của chương trình đào tạo; hiệu quả sử dụng và sự phù hợp của chương trình, giáo trình trong thực tiễn giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên.

Từ khóa: Chương trình đào tạo; đánh giá chất lượng xây dựng chương trình; trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

1. Giới thiệu chung

Đánh giá chất lượng xây dựng chương trình đào tạo là một hoạt động thiết thực cung cấp thông tin cần thiết cho các nhà quản lý, làm chính sách giáo dục và xã hội nói chung, đồng thời phục vụ nhu cầu của giảng viên, lãnh đạo nhà trường và những người khác trong quá trình thực hiện chương trình. Đánh giá chất lượng

xây dựng chương trình được hiểu là đánh giá tổng thể về sự đáp ứng của chương trình đối với mục tiêu đã xác định; sự phù hợp của chương trình đối với học sinh và giáo viên, tính hiệu quả của chương trình trong quá trình giáo dục và sự phù hợp của chương trình đối với xu thế quốc tế và phát triển chương trình [2: 134-135].

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, nhóm khảo sát đã tiến hành các phương pháp sau để thu thập thông tin và số liệu:

(i) Thiết kế phiếu hỏi dành cho đối tượng giảng viên ở các khoa tham gia xây dựng chương trình, cải tiến giáo trình và cán bộ quản lý nhà trường và phiếu hỏi dành cho sinh viên các năm cuối được học chương trình, giáo trình mới xây dựng. Các phiếu hỏi này được gửi trực tiếp xuống 10 trường khảo sát. Số phiếu thu được gồm: 212 phiếu dành cho cán bộ quản lý và giảng viên; 318 phiếu dành cho sinh viên.

* ĐT: 84-913517745

Email: huong.tv@gmail.com

¹ Các trường được khảo sát gồm: (i) Cao đẳng (CĐ) Lương thực, Thực phẩm (LTTP) Đà Nẵng; (ii) CĐ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ; (iii) CĐ Thủy lợi miền Trung; (iv) CĐ Công nghệ và Kinh tế Bảo Lộc (Lâm Đồng); (v) Trung học (TH) Nghiệp vụ quản lý LTTP Đồ Sơn; (vi) TH Công nghệ LTTP, TP. Hồ Chí Minh; (vii) CĐ Công nghệ và Kinh tế Hà Nội; (viii) CĐ Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ; (ix) CĐ Nông nghiệp Nam Bộ (Tiền Giang); (x) CĐ Thủy lợi Bắc Bộ (Hà Nam) trong khuôn khổ dự án Khoa học Công nghệ Nông nghiệp (giai đoạn 2010-2012), vốn vay ADB của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN và PTNT) tài trợ cho các trường.

(ii) Khảo sát, thảo luận nhóm và làm việc trực tiếp tại 03 trường: CĐ Thủy lợi Bắc Bộ (Hà Nam), Trường TH Nghiệp vụ Quản lí Lương thực Thực phẩm (LTTP) Hải Phòng và Trường CĐ Thủy lợi miền Trung tại Quảng Nam.

(iii) Tổng quan tài liệu, các báo cáo đánh giá tiến độ thực hiện hoạt động xây dựng chương trình và cải tiến giáo trình của các trường được khảo sát trong các năm 2010, 2011, 2012; tham khảo các tài liệu khoa học khác khi thiết kế phiếu hỏi.

2. Kết quả đánh giá chất lượng xây dựng chương trình

2.1. Quá trình xây dựng chương trình đào tạo

Quá trình xây dựng chương trình đào tạo ở các trường được tiến hành thống nhất gồm các bước sau:

(i) Các trường đã thành lập ban chỉ đạo xây dựng chương trình đào tạo. Ban chỉ đạo gồm từ 7-9 thành viên là các cán bộ, giảng viên chuyên môn, lãnh đạo của khoa, lãnh đạo nhà trường và chuyên gia đến từ các cơ quan khác.

(ii) Khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo

(iii) Hội thảo báo cáo kết quả khảo sát đánh giá nhu cầu đào tạo

(iv) Thiết kế chương trình khung (xác định mục tiêu, kế hoạch phân bổ thời gian đào tạo, xác định các học phần, lấy ý kiến chuyên gia, chỉnh sửa, họp thông qua chương trình khung)

(v) Xây dựng chương trình đào tạo

(vi) Hội thảo, sửa chữa, biên tập lại

(vii) Thẩm định chương trình đào tạo

(viii) Hoàn thiện và ban hành chương trình đào tạo

(ix) Biên soạn giáo trình (hợp xây dựng định dạng toàn bộ giáo trình, viết giáo trình, phản biện, thẩm định giáo trình)

(x) Hoàn thiện và xuất bản giáo trình.

Kết quả đánh giá của các trường về quá trình xây dựng chương trình và cải tiến giáo trình cho thấy sự đồng thuận cao ở các nội dung được hỏi dưới đây và đạt tỉ lệ trả lời “*có*” chiếm từ 94-98,58 % ở tất cả các trường. Các nội dung đạt tỉ lệ đồng thuận cao nhất (trên 98%) là: (i) đã thực hiện đánh giá nhu cầu đào tạo; (ii) nhà trường đã tổ chức hội thảo về đánh giá nhu cầu đào tạo; (iii) nhà trường đã tổ chức đánh giá hiện trạng chương trình và giáo trình nào cần xây dựng mới; (iv) những người tham gia xây dựng chương trình và cải tiến giáo trình thực sự là cán bộ có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm giảng dạy.

Bảng 1: Kết quả đánh giá quá trình xây dựng chương trình qua trả lời của lãnh đạo nhà trường và giảng viên

STT	Các tiêu chí	Có	Không	Không trả lời
		(%)	(%)	(%)
1	Nhà trường có tổ chức khảo sát, đánh giá chương trình đào tạo hiện tại cần phải sửa đổi/hoàn thiện hay không?	98.11	0.00	1.89
2	Thầy/cô có được tham gia khảo sát, đánh giá chương trình hiện tại cần sửa đổi/hoàn thiện hay không?	95.75	0.94	3.30
3	Thầy/cô có được tham gia đóng góp ý kiến vào quá trình phát triển chương trình mới của nhà trường không?	97.64	0.94	1.42

4	Nhà trường có tổ chức đánh giá nhu cầu đào tạo trước khi hoàn thiện chương trình hiện tại hoặc xây dựng chương trình đào tạo mới không?	98.58	0.47	0.94
5	Các chuyên gia từ các cơ quan chuyên ngành, doanh nghiệp sử dụng lao động có liên quan có được mời tham gia trong quá trình hoàn thiện chương trình hoặc xây dựng chương trình mới hay không?	94.34	2.83	2.83
6	Nhà trường có tổ chức hội thảo, sinh hoạt khoa học bàn về chuẩn kiến thức, kỹ năng và nội dung chương trình cần phải hoàn thiện hoặc xây dựng mới hay không?	98.58	0.00	1.42
7	Nhà trường có tổ chức đánh giá hiện trạng và xác định giáo trình nào cần xây dựng mới hoặc hoàn thiện khi chương trình đào tạo được phê duyệt hay không?	98.58	0.47	0.94
8	Có thành lập nhóm chuyên môn và tổ chức xác định khung giáo trình trước khi viết giáo trình hay không?	97.17	1.89	0.94
9	Những người tham gia xây dựng chương trình đào tạo và cải tiến giáo trình có thực sự là những người có chuyên môn giỏi và có kinh nghiệm giảng dạy hay không?	98.58	0.47	0.94
10	Có tham khảo kinh nghiệm phát triển chương trình và biên soạn giáo trình từ các trường, các khoa, tổ nhóm chuyên môn trong cùng ngành/lĩnh vực đào tạo hay không?	97.17	0.94	1.89

Bên cạnh tỉ lệ trung bình thể hiện sự đồng thuận cao ở các nội dung được hỏi liên quan đến quá trình xây dựng chương trình của 10 trường, cũng có sự khác biệt ở một số nội dung được hỏi của từng trường riêng biệt. Ví dụ tỉ lệ trả lời “có” ở trường TH Nghiệp vụ Quản lý LTTP chỉ đạt 75% ở một số nội dung như: (i) sự tham gia của giáo viên trong khảo sát, đánh giá chương trình hiện tại; (ii) sự tham gia của các đại diện đến từ bên ngoài nhà trường. Trao đổi với nhà trường về các vấn đề này được biết: Hiện tại Trường Trung học Nghiệp vụ Quản lý LTTP là nơi duy nhất đào tạo ngành kỹ thuật sản xuất muối biển, không có nhiều doanh nghiệp quan tâm đầu tư ở lĩnh vực này trong bối cảnh hiện nay. Tuy nhiên, phía nhà trường khẳng định đây là ngành học có triển vọng phát triển tốt, vẫn nên duy trì. Hiện tại quy mô tuyển sinh của nhà trường về chuyên ngành “Sản xuất muối biển” có giảm nhưng một số doanh nghiệp các tỉnh ven biển miền Bắc và miền Trung vẫn

có nhu cầu tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành này.

Tỉ lệ cán bộ ngoài nhà trường tham gia vào xây dựng chương trình đạt đồng thuận 88% ở Trường Cao đẳng NN và PTNT Bắc Bộ và đạt trung bình là 94% ở cả 10 trường khảo sát.

Trong quá trình xây dựng chương trình, các trường đều mời cán bộ ở các cơ quan ngoài nhà trường (chủ yếu đến từ các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, và các trường đại học có cùng chuyên ngành) tham gia vào xây dựng chương trình để tăng tính khách quan, học hỏi kinh nghiệm và tri thức từ các nhà giáo, nhà khoa học, quản lý đến từ các cơ quan có liên quan. Kết quả theo dõi, giám sát tiến độ xây dựng chương trình ở 10 trường dự án thông qua các chuyến đi thực địa, tham dự hội thảo đánh giá nhu cầu tại một số trường như: CĐ Lương thực Thực phẩm Đà Nẵng, Trung học Nghiệp vụ Quản lý LTTP, CĐ Thủy lợi Bắc Bộ (Hà Nam), CĐ Công nghệ, Thủy lợi

và Kinh tế miền Trung... cho thấy các trường đã tiến hành nghiêm túc các hoạt động trong quy trình xây dựng chương trình đào tạo, đặc biệt quan tâm đến đánh giá nhu cầu đào tạo để xây dựng chương trình đáp ứng nhu cầu xã hội, nhu cầu doanh nghiệp. Các ý kiến đóng góp của đại biểu đến từ doanh nghiệp, viện nghiên cứu, các đơn vị ngoài nhà trường tại hội thảo đánh giá nhu cầu đào tạo ở một số trường thực sự có ý nghĩa thiết thực trong xây dựng chương trình liên quan đến thái độ, kiến thức, kỹ năng sinh viên cần phải có được.

2.2. Về tính khoa học và sự phạm của chương trình đào tạo

Nhóm nghiên cứu đã trao đổi trực tiếp với cán bộ lãnh đạo và giảng viên một số trường để khảo sát cho thấy mục tiêu chương trình đào tạo đã được thảo luận giữa các nhóm giảng viên để hiểu rõ yêu cầu của ngành học trong bối cảnh đổi mới và có được các quan điểm thống nhất về xây dựng mục tiêu đào tạo. Phân tích số liệu khảo sát cho thấy, đại đa số cán bộ quản lý, giảng viên các trường đều đánh giá: Mục tiêu đào tạo được trình bày rõ ràng, cụ thể; Mục tiêu đào tạo ghi trong chương trình đã nêu rõ năng lực nghề nghiệp chủ yếu mà người học phải có được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo -

97,6% các ý kiến của giáo viên và lãnh đạo nhà trường đồng ý với cả hai nhận định trên.

Về nội dung của chương trình đào tạo, số liệu ở bảng 2 dưới đây cho thấy có sự đồng thuận cao của nhóm giảng viên (trên 90%) ở các tiêu chí từ 1 đến 8. Tỷ lệ đồng thuận ở phần lớn các tiêu chí này chỉ đạt trên 80% của nhóm sinh viên được hỏi ý kiến. Hai tiêu chí “*Các môn học có thể hiện mức độ chuyên sâu tăng dần sau mỗi năm*” và “*Các yêu cầu kiểm tra đánh giá người học được thể hiện rõ trong chương trình đào tạo*” có sự đánh giá tương đối thống nhất ở cả hai nhóm giảng viên và sinh viên (92,4% và 95,2% ở nhóm giảng viên; 91,8% và 91,1% ở nhóm sinh viên). Đặc biệt, các tiêu chí “*Chương trình đã thể hiện sự chú trọng đến phát triển kỹ năng nghề nghiệp của SV và phát triển kỹ năng học tập độc lập, tự nghiên cứu của SV*” có tỷ lệ không đồng ý cao hơn so với các tiêu chí khác theo đánh giá của cả hai nhóm giảng viên và sinh viên (8,5% và 13,3% ở nhóm giảng viên; 12% và 15,5% nhóm sinh viên trả lời không).

Về tổng thể, nội dung chương trình đào tạo ở các trường khảo sát đã được thiết kế phù hợp mục tiêu đào tạo, cập nhật kiến thức hiện đại và đầu ra của chương trình đã căn bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo khối ngành nông nghiệp và nguyện vọng của sinh viên.

Bảng 2: Thống kê đánh giá về nội dung chương trình qua trả lời của lãnh đạo nhà trường, giảng viên và sinh viên

TT	Đánh giá của lãnh đạo và giảng viên nhà trường	Có (%)	Không (%)	Đánh giá của sinh viên	Có (%)	Không (%)
1	Nội dung chương trình đã cập nhật kiến thức hiện đại	95,2	4,8	Nội dung CT ngành học của anh/chị đã cập nhật với kiến thức hiện đại chưa?	88,9	11,1
2	Đầu ra dự định của CT đào tạo có đáp ứng với nhu cầu đào tạo sinh viên khối ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn không?	95,2	4,8	Những yêu cầu về đầu ra của CT có đáp ứng với nguyện vọng cá nhân của bản thân anh/chị không?	89,6	10,4
3	Chương trình đào tạo bao gồm cả các môn bắt buộc và môn lựa chọn không?	97,1	2,9	Chương trình học có bao gồm cả các môn bắt buộc và môn lựa chọn không?	86,7	13,3

4	Các môn học có thể hiện mức độ chuyên sâu tăng dần sau mỗi năm không?	92,4	7,6	Các môn học có thể hiện mức độ chuyên sâu tăng dần sau mỗi năm không?	91,8	8,2
5	Các yêu cầu kiểm tra đánh giá người học có được thể hiện rõ trong chương trình không?	95,2	4,8	Các yêu cầu kiểm tra đánh giá người học có được thể hiện rõ trong chương trình không?	91,1	8,9
6	Sự phân bố lí thuyết và thực hành trong chương trình có hợp lí không?	92,9	7,1	Sự phân bố lí thuyết và thực hành trong chương trình có hợp lí không?	84,2	15,8
7	Chương trình có sự sắp xếp thoả đáng giữa thời lượng học các môn chung và chuyên ngành?	96,7	3,3	Sự sắp xếp giữa thời lượng học các môn chung và chuyên ngành có thoả đáng không?	84,2	15,8
8	Chương trình đã thể hiện sự chú trọng đến phát triển kĩ năng nghề nghiệp của SV?	91,5	8,5	Nội dung CT có khuyến khích anh/chị phát triển kĩ năng nghề nghiệp không?	88,0	12,0
9	Chương trình đã thể hiện sự chú trọng đến phát triển kĩ năng học tập độc lập, tự nghiên cứu của SV?	86,7	13,3	Học tập độc lập và nghiên cứu khoa học có được nêu rõ trong CT học của anh/chị không?	84,5	15,5

Xem xét kết quả đánh giá của giảng viên về nội dung chương trình ở từng trường cho thấy có sự khác biệt ở một số tiêu chí. Trường TH Nghiệp vụ Quản lí LTTP có tỉ lệ đồng thuận thấp nhất ở tiêu chí “*Nội dung chương trình có được tham khảo ý kiến bởi các nhà tuyển dụng không?*” - chỉ đạt 75% ý kiến đồng ý”; Trường CĐ LTTP Đà Nẵng có ý kiến đồng ý đạt 86% ở tiêu chí “*Các môn học thể hiện mức độ chuyên sâu tăng dần theo từng năm*”. Tiêu chí 15 “*Chương trình đã thể hiện sự chú trọng đến phát triển kĩ năng học tập độc lập, tự nghiên cứu của sinh viên*” đạt tỉ lệ đồng thuận thấp ở 3 trường: CĐ Lương thực Thực phẩm Đà Nẵng, TH Công nghệ LTTP và Trường TH Nghiệp vụ Quản lí LTTP, cá biệt tỉ lệ này chỉ đạt 43% ở Trường Trung học Công nghệ LTTP.

Kết quả đánh giá của sinh viên về nội dung chương trình ở từng trường cũng có sự khác biệt ở một số tiêu chí. Ví dụ: Tỉ lệ sinh viên đồng thuận đạt thấp nhất ở trường TH Nghiệp vụ Quản lí LTTP là tiêu chí 5 “*Chương trình học có bao gồm cả các môn bắt buộc và môn tự chọn không?*” - chỉ có 48% số sinh viên trả lời “*có*”;

Trường CĐ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Bộ có tỉ lệ đồng thuận không cao ở các tiêu chí “*Sự phân bố lí thuyết và thực hành trong chương trình có hợp lí không?*” và “*Sự sắp xếp giữa thời lượng học các môn chung và chuyên ngành có thoả đáng không?*” - chỉ có 58% số sinh viên trả lời “*có*”.

Để có nhận định chung về tính khoa học và sư phạm của chương trình đào tạo, chúng tôi đã trao đổi trực tiếp với lãnh đạo một số trường và nhận được các ý kiến phản ánh dưới đây:

- Hình thức trình bày của các chương trình đào tạo đã bao quát đầy đủ thông tin trong các mục theo đúng mẫu định dạng chương trình đào tạo hệ THCN, hệ cao đẳng;

- Sử dụng thuật ngữ nhất quán trong toàn bộ chương trình đào tạo;

- Các học phần được hình thành dựa trên việc phân loại và nhóm các kiến thức logic khoa học và logic nhận thức;

- Nội dung các học phần đều được cập nhật các kiến thức mới nhất hiện nay về công nghệ

sản xuất, thi công, trang thiết bị, máy móc và chế độ chính sách của Nhà nước....

2.3. Về hiệu quả sử dụng và sự phù hợp của chương trình và giáo trình trong hoạt động giảng dạy - học tập

Một trong những tiêu chí quan trọng đánh giá chất lượng xây dựng chương trình là chúng được sử dụng như thế nào trong hoạt động dạy - học? Sinh viên hiểu và tiếp thu được kiến thức đã học như thế nào? Đánh giá của sinh viên 10 trường được khảo sát về chương trình và giáo trình mới xây dựng và đưa vào sử dụng cho thấy 78,62% sinh viên được hỏi cảm thấy tự tin vào khả năng, kiến thức được trang bị trong quá trình học tập tại trường. Để chuyển tải được nội dung môn học trong chương trình đào tạo và giúp sinh viên hiểu bài, nắm vững kiến thức, các giảng viên đã tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy như dạy học nêu vấn đề, hoạt động nhóm, dạy lí thuyết gắn với thực hành... nhằm kích thích tư duy phê phán, phát triển kĩ năng diễn đạt của sinh viên, tôn trọng ý kiến đóng

góp của sinh viên. Tuy nhiên việc đổi mới phương pháp giảng dạy chưa được áp dụng đồng đều ở tất cả các môn học, ở tất cả giảng viên. Ý kiến trả lời của sinh viên ở các trường được khảo sát về đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên cho thấy chỉ có 50-79% ý kiến đồng ý đã đổi mới phương pháp giảng dạy ở tất cả các môn học; 18-37% ý kiến của sinh viên đánh giá việc đổi mới phương pháp giảng dạy chỉ đạt ở 50% các môn học. Kết quả khảo sát này đã được nhóm nghiên cứu trao đổi với lãnh đạo một số trường đến khảo sát liên quan đến các yếu tố nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, đến việc bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nhà trường, chú trọng kĩ năng truyền tải kiến thức và rèn luyện phương pháp học tập cho sinh viên trong quá trình đào tạo.

Đánh giá về mức độ hài lòng của sinh viên được học chương trình và giáo trình mới xây dựng cho kết quả rất khả quan: 90,88% sinh viên hài lòng với chương trình đang học, 86,16% sinh viên hài lòng với các giáo trình môn học được cung cấp.

Bảng 3: Đánh giá về mức độ hài lòng của sinh viên

STT	Đánh giá chung về mức độ hài lòng của sinh viên	Hài lòng	Không hài lòng	Không trả lời
		(%)	(%)	
1	Anh/chị có hài lòng với chương trình đang học không?	90,88	6,92	2,20
2	Anh/chị có hài lòng với cách giảng dạy hiện nay của các giảng viên trong khoa không?	88,36	9,12	2,52
3	Anh/chị có hài lòng với các giáo trình môn học được cung cấp không?	86,16	11,64	2,20
4	Anh/chị có hài lòng với kết quả học tập đạt được không?	77,67	19,81	2,52
5	Anh/chị có hài lòng với các phương tiện và điều kiện học tập tại khoa không?	87,42	10,38	2,20
6	Anh/chị có hài lòng với sự hỗ trợ của khoa trong suốt quá trình học tập không?	91,19	6,60	2,20

Ngoài ra, các ý kiến đóng góp của sinh viên liên quan đến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo và giáo trình rất cần các trường quan tâm trong thời gian tới như:

- Tăng đầu tư cho các thiết bị thực hành;
- Giảng viên nên sử dụng nhiều hình ảnh trong biên soạn giáo trình và sử dụng video clip trong giảng dạy ở các môn chuyên ngành;
- Nội dung giáo trình cần phong phú, chuyên sâu đúng theo từng ngành học;
- Kiến thức trong một số giáo trình chưa cập nhật, một số nội dung sai chưa được chỉnh sửa;
- Trong chương trình đào tạo nên dành thời lượng tổ chức một số đợt đi thực tế cho sinh viên.

Chương trình đào tạo và giáo trình mới ở các trường khảo sát về cơ bản đã được xây dựng và biên soạn theo hướng chuyển sang giảng dạy theo học chế tín chỉ, đặc biệt ở các trường cao đẳng, đáp ứng xu thế đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập của giảng viên, sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng sinh viên ra trường được doanh nghiệp và thị trường lao động chấp nhận. Theo báo cáo của các trường, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm sau 6 tháng đến 1 năm khá cao (đạt từ 65% - 90%), tuy nhiên tỉ lệ này chưa đồng đều ở tất cả các trường.

Bên cạnh việc nâng cao chất lượng xây dựng chương trình, các trường cũng nỗ lực huy động từ nhiều nguồn để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập như: Xây dựng phòng thí nghiệm và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thiết bị thực hành, phục vụ tốt cho nâng cao chất lượng giảng dạy. Đánh giá của giảng viên và sinh viên có sự đồng thuận cao về các tiêu chí: *Có đủ phòng học, giảng đường đáp ứng yêu cầu giảng dạy của chương trình* - 85% giảng viên và sinh viên đồng ý; *Khoa có đủ phòng thí nghiệm, thực hành...* - 75% giảng viên

và 82% sinh viên đồng ý; *Các phương tiện, thiết bị dạy và học đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy trong chương trình* - 79% giảng viên và 87% sinh viên đồng ý; *Thư viện của trường cung cấp đủ tài liệu môn học cho sinh viên* - 71% giảng viên và 68% sinh viên đồng ý; Thêm nữa, 83% số sinh viên được hỏi cho rằng sinh viên đã được cấp đủ giáo trình môn học. Đây là những tín hiệu tốt góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, chất lượng sinh viên ra trường.

3. Kết luận

Chương trình và giáo trình được xây dựng theo hướng cập nhật mới kiến thức, kỹ năng để đào tạo sinh viên ra trường đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp, của thị trường lao động là đòi hỏi và yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Chất lượng xây dựng chương trình đào tạo được đảm bảo do nhiều yếu tố, trong đó phải kể đến các yếu tố chính sau:

- Hoạt động xây dựng chương trình và cải tiến giáo trình đáp ứng đúng nguyện vọng và yêu cầu cấp thiết của nhà trường phải nâng cao chất lượng giảng dạy để thu hút người học trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động;

- Có sự chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo nhà trường trong toàn bộ quá trình xây dựng chương trình và cải tiến giáo trình;

- Có sự đồng thuận và cố gắng cao của giảng viên trong tham gia xây dựng chương trình và biên soạn giáo trình, coi đây là một trong những công cụ quan trọng để truyền tải thái độ, kiến thức và kỹ năng cho sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- [1] Báo cáo đánh giá tiến độ hoạt động xây dựng chương trình và cải tiến giáo trình năm 2010,

- 2011, 2012, Dự án Khoa học Kỹ thuật Công nghệ nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- [2] Nguyễn Hữu Châu (chủ biên), Chất lượng giáo dục - những vấn đề lí luận và thực tiễn, NXB Giáo dục, 2008.
- [3] Nguyễn Hữu Châu, Sự phân loại các mục tiêu giáo dục và vấn đề đánh giá chất lượng giáo dục, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, 5 (1998), trang 3-4, 7.
- [4] Nguyễn Kim Dung, Institutional autonomy in curriculum design: some initial research findings, Educational review 60 (6) (2003) 9.
- [5] Nguyễn Đăng Trụ, Phát triển chương trình đào tạo tích hợp môđun-môn học trong giáo dục nghề nghiệp, Tạp chí Phát triển Giáo dục, số 68 - 8/2004, trang 19-21, 32.

Quality Assessment of Building Vocational Curricula in Some Agricultural Schools

Vương Thanh Hương *

*Vietnam Institute of Educational Sciences,
No.101 Trần Hưng Đạo, Hanoi, Vietnam*

Abstract: The paper reflects the results of studying and assessing the quality in building the training programs in 10 colleges and professional secondary schools of the Ministry of Agriculture and Rural Development. The study was carried out by a research team of the Vietnam Institute of Educational Sciences. The quality of building the vocational curricula is assessed in accordance with the criteria such as: the process of building the curricula; scientific and pedagogical nature of the training program; the efficiency of the use and the suitability of the program and the curricula in the teaching and learning realities of the teachers and students.

Keywords: Curricula development; Quality assessment of vocational curricula development; College; Secondary professional school.